

Họ và tên:

Lớp:

Toán 4 – Bài 12: Các số trong phạm vi lớp triệu

Bài 1. Cho mỗi số, hãy cho biết chữ số được nêu thuộc lớp nào.

- a) Trong số 1 000 000, chữ số 1 thuộc
- b) Trong số 214 104, chữ số 0 thuộc
- c) Trong số 655 247, chữ số 6 thuộc
- d) Trong số 776 301, chữ số 6 thuộc
- e) Trong số 439 938, chữ số 4 thuộc
- f) Trong số 858 111, chữ số 5 thuộc
- g) Trong số 352 373, chữ số 7 thuộc
- h) Trong số 372 659, chữ số 5 thuộc

Bài 2. Điền nhóm chữ số thuộc lớp triệu của mỗi số sau.

- a) Số 746 450 101: Lớp triệu là
- b) Số 536 218 681: Lớp triệu là
- c) Số 67 620 605: Lớp triệu là
- d) Số 1 148 778: Lớp triệu là
- e) Số 31 312 444: Lớp triệu là
- f) Số 7 756 948: Lớp triệu là
- g) Số 370 172 150: Lớp triệu là
- h) Số 54 904 447: Lớp triệu là

Bài 3. Điền chữ số thích hợp vào chỗ trống.

- a) Trong số 42 960, chữ số ở hàng đơn vị là
- b) Trong số 40 032, chữ số ở hàng nghìn là
- c) Trong số 28 714, chữ số ở hàng chục là
- d) Trong số 87 178, chữ số ở hàng trăm là
- e) Trong số 27 950, chữ số ở hàng trăm là
- f) Trong số 81 234, chữ số ở hàng đơn vị là
- g) Trong số 10 719, chữ số ở hàng chục nghìn là
- h) Trong số 75 829, chữ số ở hàng chục nghìn là

Bài 4. Điền lớp cao nhất của mỗi số.

- a) Trong số 354 749, lớp cao nhất là lớp
- b) Trong số 424, lớp cao nhất là lớp
- c) Trong số 418, lớp cao nhất là lớp
- d) Trong số 932 124 962, lớp cao nhất là lớp
- e) Trong số 172 001 960, lớp cao nhất là lớp
- f) Trong số 189 191, lớp cao nhất là lớp

g) Trong số 972 373 740, lớp cao nhất là lớp

h) Trong số 788 239, lớp cao nhất là lớp

Bài 5. Điền tên lớp còn thiếu vào chỗ trống trong cách đọc mỗi số.

a) Số 531 432 028 đọc là: năm trăm ba mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai không trăm hai mươi tám.

b) Số 618 457 152 đọc là: sáu trăm mười tám bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm năm mươi hai.

c) Số 19 325 533 đọc là: mười chín triệu ba trăm hai mươi lăm năm trăm ba mươi ba.

d) Số 647 684 631 đọc là: sáu trăm bốn mươi bảy sáu trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm ba mươi một.

Bài 6. Viết cách đọc của các số sau.

a) Số 496 390 đọc là

b) Số 567 820 000 đọc là

c) Số 900 490 105 đọc là

d) Số 941 000 780 đọc là

Bài 7. Điền Đ nếu phát biểu đúng, điền S nếu phát biểu sai.

a) Trong số 5 531 550, chữ số 3 thuộc lớp nghìn: ...

b) Trong số 912 328, chữ số 8 thuộc lớp triệu: ...

c) Trong số 418 736 137, chữ số 4 thuộc lớp triệu: ..

d) Trong số 817 922 105, chữ số 8 thuộc lớp đơn vị: ...

e) Trong số 328 052 798, chữ số 3 thuộc lớp đơn vị: ...

f) Trong số 4 192 254, chữ số 1 thuộc lớp triệu: ...

g) Trong số 24 976, chữ số 2 thuộc lớp nghìn: ...

h) Trong số 38 668 970, chữ số 0 thuộc lớp đơn vị: ...

Bài 8. Điền giá trị của chữ số được nêu trong mỗi số.

a) Trong số 477 128, giá trị của chữ số 8 ở hàng đơn vị là

b) Trong số 535 260, giá trị của chữ số 2 ở hàng trăm là

c) Trong số 354 636, giá trị của chữ số 4 ở hàng nghìn là

d) Trong số 838 858, giá trị của chữ số 5 ở hàng chục là

e) Trong số 533 443, giá trị của chữ số 5 ở hàng trăm nghìn là

f) Trong số 791 090, giá trị của chữ số 9 ở hàng chục nghìn là

g) Trong số 981 727, giá trị của chữ số 2 ở hàng chục là

h) Trong số 505 264, giá trị của chữ số 2 ở hàng trăm là

Bài 9. Điền tên lớp của chữ số được hỏi trong mỗi số sau. Chỉ điền một trong các cụm: lớp đơn vị; lớp nghìn; lớp triệu.

- a) Trong số 6 875 883, chữ số 6 thuộc
- b) Trong số 981 095 794, chữ số 5 thuộc
- c) Trong số 6182, chữ số 8 thuộc
- d) Trong số 2 646 807, chữ số 2 thuộc

Bài 10. Điền giá trị của chữ số được nêu trong mỗi số.

- a) Trong số 340 814, giá trị của chữ số 4 ở hàng đơn vị là
- b) Trong số 436 712, giá trị của chữ số 3 ở hàng chục nghìn là
- c) Trong số 725 220, giá trị của chữ số 7 ở hàng trăm nghìn là
- d) Trong số 546 830, giá trị của chữ số 5 ở hàng trăm nghìn là
- e) Trong số 185 891, giá trị của chữ số 5 ở hàng nghìn là
- f) Trong số 153 923, giá trị của chữ số 3 ở hàng đơn vị là
- g) Trong số 233 665, giá trị của chữ số 3 ở hàng nghìn là
- h) Trong số 416 270, giá trị của chữ số 4 ở hàng trăm nghìn là

